TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **240**/2018/QĐST-HNGĐ	*TP.M, ngày 14 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 416/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Kim T L** – sinh năm: 1995
Địa chỉ: Ấp T H, xã N C, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn T N** – sinh năm: 1986
Địa chỉ: Ấp T Đ, xã L V L, Tp.M, tỉnh Cà Mau

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Kim T L và anh Nguyễn T N trong vụ án HNGĐ xin ly hôn, giao con, tài sản và nợ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận cho chị **Kim T L** và anh **Nguyễn T N** được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 đứa tên Nguyễn K L sinh ngày 11/01/2016, hiện đang sống chung với chị L. Anh chị thống nhất giao chị L tiếp tục nuôi con, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 800.000đ/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực đến khi con tròn 18 tuổi tự lao động kiếm sống được. Anh N có quyền đến thăm con, không ai được cản trở, ngược lại anh không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đúng thỏa thuận, nếu không còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: không có.

- Về án phí HNGĐ: 150.000đ mỗi người nộp 75.000đ khi quyết định có hiệu lực, chị L đã dự nộp 300.000đ ngày 03/5/2018 tại biên lai số 0745 chị được hoàn lại 225.000đ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ anh N phải nộp khi quyết định có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Ninh Quang Thế